

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Cảm biến và cơ cấu chấp hành (228335) - Nhóm 04**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt:*14*.....

Số bài thi:*14*.....

Số tờ giấy thi:*14*.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150066	NGUYỄN THÀNH LONG	24/08/2004	CCQ2215D			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150100	VÕ THÀNH LONG	21/11/2004	CCQ2215D			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150083	LÊ ĐỨC LỘC	23/11/2004	CCQ2215D			<i>Lộc</i>	7,5	7	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150067	NGUYỄN ĐỨC LỘC	23/10/2004	CCQ2215D			<i>Lộc</i>	6,5	5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150089	TRƯƠNG CÔNG LÝ	28/09/2004	CCQ2215D			<i>Lý</i>	7	6,5	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150093	NGUYỄN VĂN MƯỚP	27/08/2004	CCQ2215D			<i>Mướp</i>	6,5	6,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150079	NGUYỄN TRẦN HOÀI NAM	22/02/2004	CCQ2215D			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150072	TRẦN TRUNG NGUYỄN	20/07/2004	CCQ2215D			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150070	HOÀNG THẾ QUANG	22/08/2004	CCQ2215D			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122150091	TRẦN DANH QUỐC	29/11/2004	CCQ2215D			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150058	ĐINH HỮU NGÔ QUYỀN	28/09/2004	CCQ2215D			<i>Quyền</i>	7,5	6	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150059	NGUYỄN TẤN THÀNH	16/05/2004	CCQ2215D			<i>Thành</i>	5,0	6,5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150064	PHAN CHÍ THIÊN	21/11/2004	CCQ2215D			<i>Phước</i>	7,5	7,5	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150048	NGUYỄN ANH THỊNH	10/12/2004	CCQ2215D			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150085	VÕ ĐỨC THỊNH	16/11/2004	CCQ2215D			<i>Thị</i>	8,1	4	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150055	HUỖNH THUẬN	18/09/2004	CCQ2215D			<i>Thuận</i>	7,5	7	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150073	VŨ TRỌNG THUẬN	28/08/2004	CCQ2215D			<i>Thuận</i>	8,2	6	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150071	TÔ MINH TIẾN	30/05/2003	CCQ2215D			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150062	BÙI NGUYỄN THIÊN TOÀN	02/09/2004	CCQ2215D			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150084	NGUYỄN TRỌNG TRI	21/09/2004	CCQ2215D			<i>Tri</i>	8,2	8	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

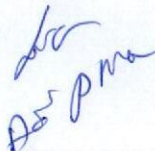
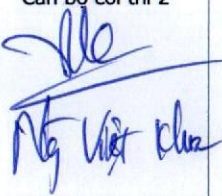
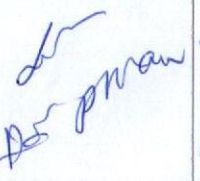
Môn học: **Cảm biến và cơ cấu chấp hành (228335) - Nhóm 04**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt:14.....

Số bài thi:14.....

Số tờ giấy thi:14.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150092	CHÂU THANH TRỌNG	22/08/2004	CCQ2215D				8,3	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122150051	HỒ ĐỨC TRỌNG	02/07/2004	CCQ2215D				8,3	6	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122150056	PHAN VĂN VI	06/11/2004	CCQ2215D				7,5	5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122150076	PHAN VĂN NGỌC VINH	08/08/2004	CCQ2215D			V				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Cảm biến và cơ cấu chấp hành (228335) - Nhóm 03**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Ngô Việt Khoa</i>	<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Ngô Việt Khoa</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150081	HUỖNH QUỐC BẢO	21/02/2004	CCQ2215C			<i>Bảo</i>	5,5	5,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150078	LƯƠNG VĂN BÌNH	24/10/2004	CCQ2215C			<i>Bình</i>	6	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150090	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	17/04/2004	CCQ2215C			<i>Chương</i>	6,8	6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150080	NGUYỄN DUY CƯỜNG	21/04/2004	CCQ2215C			<i>Cường</i>	5,5	5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150068	NGÔ THANH DIỆU	14/08/2004	CCQ2215C			<i>Diệu</i>	6,3	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150069	HỨA HẢI DƯƠNG	27/10/2004	CCQ2215C							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150052	TRẦN MINH DƯƠNG	20/04/2004	CCQ2215C			<i>Dương</i>	6,5	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150049	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	25/04/2004	CCQ2215C			<i>Đạt</i>	6,9	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150053	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/04/2004	CCQ2215C							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122150046	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	10/11/2004	CCQ2215C			<i>Định</i>	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150077	NGUYỄN DUY ĐÔNG	15/07/2004	CCQ2215C			<i>Đông</i>	6,9	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150065	NGUYỄN NGỌC HẢI	28/12/2004	CCQ2215C			<i>Hải</i>	6,5	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150057	HUỖNH HUY HÙNG	17/08/2004	CCQ2215C			<i>Hùng</i>	6,3	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150061	PHẠM VĂN HÙNG	25/08/2004	CCQ2215C			<i>Hùng</i>	6,4	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150054	ĐẶNG QUANG HUY	08/04/2003	CCQ2215C			<i>Huy</i>	7	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150060	NGUYỄN QUANG HUY	07/10/2004	CCQ2215C			<i>Huy</i>	7,1	5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150045	NGUYỄN TẤN HUY	24/01/2004	CCQ2215C			<i>Huy</i>	7,1	6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150075	TRẦN ĐÌNH HUY	30/03/2004	CCQ2215C							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150074	TRẦN QUANG HUY	27/08/2004	CCQ2215C			<i>Huy</i>	6,3	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150098	TRẦN HOÀNG HƯNG	10/09/2003	CCQ2215C							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Cảm biến và cơ cấu chấp hành (228335) - Nhóm 03**
CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Đỗ Phương Nam</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ngô Việt Lâm</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Đỗ Phương Nam</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Ngô Việt Lâm</i>
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150063	TRƯƠNG GIA KIẾN	22/01/2004	CCQ2215C			<i>Kiến</i>	5,5	5,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150099	PHAN VĂN KIẾT	23/05/2004	CCQ2215C			<i>Việt</i>	7,3	7	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150044	LA NGỌC LỄ	29/08/2004	CCQ2215C			<i>Ngọc Lễ</i>	6,4	5	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9